

Phụ lục 4

**PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 4
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG
TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

1. Tiêu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1.1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho Sở Y tế: Không quá 1,87% tổng số vốn của tiêu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	100	a	100 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (<i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i>)	90	b	90 x b
3	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (<i>số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III</i>)	15	c	15 x c
4	Cứ 1 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hoá	16	d	16 x d
5	Cứ xây mới 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	44	e	44 x e
6	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng dân tộc thiểu số và miền núi	8	f	8 x f
7	Mỗi công trình giao thông mở mới đường	3.430	g	3.430 x g

	giao thông đến trung tâm xã (<i>dành cho các xã chưa có đường tới trung tâm xã</i>)			
8	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn	500	h	500 x h
9	Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn	1.000	i	1.000 x i
	Tổng cộng điểm			A_{k,i}

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

- Tiêu chí xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền	10	a	10 x a
	Tổng cộng điểm			B_{k,i}

- Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn	0,3	a	0,3 x a
	Tổng cộng điểm			C_{k,i}

Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định 861/QĐ-TTg. Số liệu chợ; trạm y tế căn cứ số liệu trong báo cáo nghiên cứu khả thi và số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương.

Số km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hoá, công trình giao thông mới đường giao thông đến trung tâm xã, công trình cầu giao thông kết nối, hạ tầng lưới điện cho các xã biên giới, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn căn cứ số liệu trong báo cáo nghiên cứu khả thi và số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương tổng hợp trong Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ I được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$

1.2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho Sở Y tế: Không quá 3,2% tổng số vốn của tiêu dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III)	9	a	9 x a
2	Xã ATK thuộc khu vực II, I (<i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu Chương trình 135</i>)	8	b	8 x b
3	Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (<i>số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III</i>)	1,8	c	1,8 x c
	Tổng cộng điểm			$A_{k,i}$

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

. Tiêu chí xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã ATK hoặc xã biên giới đất liền	1	a	1 x a
	Tổng cộng điểm			$B_{k,i}$

. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn	0,03	a	0,03 x a
	Tổng cộng điểm			C_{k,i}

Xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK, xã biên giới được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định 612/QĐ-UBND và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định 861/QĐ-TTg. Hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xây mới và cải tạo căn cứ số liệu trong báo cáo nghiên cứu khả thi và số liệu báo cáo tình hình thực tế của các địa phương.

Tổng số điểm $X_{k,i}$ của địa phương thứ i được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các tiêu chí: $X_{k,i} = A_{k,i} + B_{k,i} + C_{k,i}$